

Số: 591/QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

V/v **Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói:**  
**Thi công Hạng mục: Phòng chống lụt bão năm 2026, Mục: Đào, nạo vét đất bồi lấp rãnh thoát nước (Vai phải đập dâng và Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+0,00-: -Km18+200) - Lần 1**

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 – TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024 về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV;

Căn cứ văn bản số 3793/ĐLTKV-KH ngày 25/12/2025 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc **Tạm giao/thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Tổng công ty điện lực TKV;**

Căn cứ Quyết định số 2168/QĐ-ĐN5 ngày 29/12/2025 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ biên bản kiểm tra định kỳ trước mùa mưa lũ năm 2026 Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5 ngày 14/4/2026 Về việc kiểm tra tình trạng đất đá phía trên các cơ, mái taluy dọc đường giao thông tuyến 3; Đất đá từ mặt cơ 483, khe tụ thủy hạ lưu 1 vai phải đập dâng bị xói lở trôi xuống lấp đầy hố ga, rãnh thoát nước;

Theo đề nghị của Tổ tư vấn tại tờ trình ngày 23/4/2026 về việc phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói: **Thi công Hạng mục: Phòng chống lụt bão năm 2026, Mục: Đào, nạo vét đất bồi lấp rãnh thoát nước (Vai phải đập dâng và Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+0,00-: -Km18+200) - Lần 1.**

Căn cứ báo cáo thẩm định ngày 24/4/2026 của Tổ thẩm định về việc thẩm định dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói: **Thi công Hạng mục: Phòng chống lụt bão năm 2026, Mục: Đào, nạo vét đất bồi lấp rãnh thoát nước (Vai phải đập dâng và Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+0,00-: -Km18+200) - Lần 1.**

**QUYẾT ĐỊNH:**



**Điều 1:** Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói: Thi công Hạng mục: Phòng chống lụt bão năm 2026, Mục: Đào, nạo vét đất bồi lấp rãnh thoát nước (Vai phải đập dâng và Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+0,00-:-Km18+200) - Lần 1 với những nội dung chính sau:

1. Tên hạng mục: Phòng chống lụt bão 2026.
2. Gói cung cấp: Thi công Hạng mục: Phòng chống lụt bão năm 2026, Mục: Đào, nạo vét đất bồi lấp rãnh thoát nước (Vai phải đập dâng và Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+0,00-:-Km18+200) - Lần 1.
3. Giá trị dự toán: **143.280.851 đồng** (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm tám mươi ngàn, tám trăm năm một đồng). Chi tiết như dự toán đính kèm.
4. Nguồn vốn thực hiện: Chi phí SXKD năm 2026
5. Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 ban hành tại Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024.
6. Thời gian lựa chọn nhà thầu: Quý II/2026
7. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
8. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

**Điều 2:** Giao cho phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư, tổ tư vấn, Tổ thẩm định đấu thầu tổ chức thực hiện các thủ tục lựa chọn nhà cung cấp đúng theo quy định hiện hành. Giao cho phòng Kỹ thuật An toàn giám sát nghiệm thu theo quy định.

**Điều 3:** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, Các ông Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban liên quan căn cứ quyết định thi hành.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2, điều 3;
- Trang Websites TKV (để đăng tải)
- Trang Websites ĐLTKV (để đăng tải)
- Lưu: VT, KT-AT, TCKT, KHĐTVT.Tr(06)



**Trần Văn Tuấn**

**PHỤ LỤC SỐ 01: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ DỰ TOÁN**  
**HẠNG MỤC: CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO NĂM 2026**  
**MỤC: ĐÀO, NẠO VÉT ĐẤT BỒI LẤP RÃNH THOÁT NƯỚC (VAI PHẢI ĐẬP DÀNG VÀ ĐƯỜNG GIAO THÔNG TUYẾN 3 TỪ**  
**KM2+0,00--: -KM18+200) - LẦN 12**  
**( Kèm theo quyết định số 591/QĐ-ĐN5 ngày 24 tháng 4 năm 2026)**

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Đào, nạo vét đất bồi lấp rãnh thoát nước vai phải đập dâng	Đào, nạo vét đất bồi lấp rãnh thoát nước Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+0,00--: -Km18+200	Tổng cộng	Ký hiệu
I	<b>CHI PHÍ TRỰC TIẾP</b>					
1	Chi phí vật liệu	A1	0		0	VL
2	Chi phí nhân công	B1	37.657.697	60.392.065	98.049.762	NC
3	Chi phí máy và thiết bị thi công	M1+M2+M3	0	16.458.908	16.458.908	M
	<b>Chi phí trực tiếp</b>	VL+NC+M	<b>37.657.697</b>	<b>76.850.973</b>	<b>114.508.670</b>	T
II	<b>CHI PHÍ GIÁN TIẾP</b>					
1	Chi phí chung	T x 6,2%	2.334.777	4.764.760	7.099.537	C
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	T x 1,1%	414.235	845.361	1.259.596	LT
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	T x 2%	753.154	1.537.019	2.290.173	TT
	<b>Chi phí gián tiếp</b>	C+LT+TT	<b>3.502.166</b>	<b>7.147.140</b>	<b>10.649.306</b>	GT
III	<b>THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC</b>	(T+GT) x 6%	2.469.592	5.039.887	7.509.479	TL
	<b>Chi phí xây dựng trước thuế</b>	T+GT+TL	<b>43.629.455</b>	<b>89.038.000</b>	<b>13.2667.455</b>	G
IV	<b>THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>	G x 8%	3.490.356	7.123.040	10.613.396	GTGT
	<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	<b>G + GTGT</b>	<b>47.119.811</b>	<b>96.161.040</b>	<b>143.280.851</b>	<b>GXD</b>

( Bảng chữ: Một trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm tám mươi ngàn, tám trăm năm mươi đồng)

**PHỤ LỤC 1.1. BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN XÂY DỰNG**

**HẠNG MỤC: CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG LỤT BẢO NĂM 2026**

**MỤC: ĐÀO, NẠO VẾT ĐẤT BỒI LẤP RÁNH THOÁT NƯỚC VAI PHẢI ĐẬP DĂNG TỪ 293.00 ĐẾN 483.00**

STT	Mã hiệu	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá			Thành tiền			
					Vật liệu	Nhân công	Máy	Vật liệu	Nhân công	Máy	
I		PHÁT QUANG CÂY CỎ MẶT CƠ, ĐÀO, NẠO VẾT ĐẤT BỒI LẤP RÁNH THOÁT NƯỚC VAI PHẢI ĐẬP DĂNG TỪ CƠ 293M ĐẾN CƠ 483M									
1	SC.37201	Phát quang cây cỏ trên mặt cơ	m2	6.043,604		6.231				37.657.697	
		<b>Tổng cộng</b>								<b>37.657.697</b>	

**PHỤ LỤC 1.2. BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN XÂY DỰNG**

**HẠNG MỤC: CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG LỤT BẢO NẢM 2026**

**MỤC: ĐÀO, NẠO VẾT ĐẤT BỒI LẤP RÃNH THOÁT NƯỚC ĐƯỜNG GIAO THÔNG TUYẾN 3 TỪ KM2+0,00--:KM18+200**

STT	Mã hiệu	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá			Thành tiền			
					Vật liệu	Nhân công	Máy	Vật liệu	Nhân công	Máy	
1	AB.11502	Đào nạo vét rãnh thoát nước bị bồi lấp đất cấp II bằng thủ công	m3	223,57		270.126			-	60.392.065	-
2	AB.41432	Vận chuyển đất cự ly <=1000m bằng ôtô tự đổ 10 tấn đất cấp II	100 m3	2,24			2.194.661		-	-	4.906.605
3	AB.42132	Vận chuyển tiếp cự ly 5.000m bằng ôtô tự đổ 10 tấn đất cấp II (ĐG*5)	100 m3	2,24			839.051		-	-	9.379.335
4	AB.42232	Vận chuyển tiếp cự ly 1.100m bằng ôtô tự đổ 10 tấn đất cấp II (ĐG*1,1)	100 m3	2,24			673.524		-	-	1.656.378
5	AB.34110	San đất bãi thải bằng máy ủi 110CV	100 m3	2,24			231.064		-	-	516.590
		<b>Tổng cộng</b>							-	<b>60.392.065</b>	<b>16.458.908</b>

**PHỤ LỤC SỐ 02: PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP**

**HẠNG MỤC: CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG LỤT BẢO NĂM 2026**

**MỤC: ĐÀO, NẠO VẾT ĐẤT BỒI LẤP RÃNH THOÁT NƯỚC (Vai phải đập dâng từ 293.00 ĐẾN 483.00 VÀ ĐƯỜNG GIAO THÔNG TUYẾN 3 TỪ KM2+0,00-:-KM18+200) - LẦN 1**

*( Kèm theo quyết định số 591/QĐ-ĐN5 ngày 24 tháng 4 năm 2026)*

STT	Tên gói cung cấp	Giá gói cung cấp	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà cung cấp	Phương thức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Thi công Hàng mục: Phòng chống lụt bão năm 2026, Mục: Đào, nạo vét đất bồi lấp rãnh thoát nước (Vai phải đập dâng từ 293.00 đến 483.00 và Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+0,00-:-Km18+200) - Lần 1	143.280.851	Chi phí SXKD năm 2026	Ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 ban hành tại Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024.	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý II/2026	Đơn giá cố định	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
	<b>Tổng cộng</b>	<b>143.280.851</b>						